TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 364/2024/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 23 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 518/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Trần Thành D** sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Chị **Thạch Thị Huyền T1,** sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Tổ M, khu phố N, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Thành D và chị Thạch Thị Huyền T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/04/2014, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp. Nay, anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị thuận tình ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh Trần Thành D và chị Thạch Thị Huyền T1 thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh Trần Thành D và chị Thạch Thị Huyền T1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Gia N1, sinh ngày 04/05/2014 và Trần Gia H, sinh ngày 22/11/2020. Khi ly hôn, giao con chung là cháu Trần Gia N1 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Trần Gia H cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T1, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Trần Thành D và chị Thạch Thị Huyền T1 phải nộp là 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*. Anh D, chị T1 đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 15/10/2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Anh Trần Thành D và chị Thạch Thị Huyền T1 thuận tình ly hôn. Ghi nhận chị T1 và anh D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Trần Gia N1, sinh ngày 04/05/2014 và Trần Gia H, sinh ngày 22/11/2020. Khi ly hôn, giao con chung là cháu Trần Gia N1 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Trần Gia H cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T1, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- *Về nợ chung:* Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Thành D và chị Thạch Thị Huyền T1 phải nộp 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí anh D, chị T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003217 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Anh D, chị T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *UBND xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Tuyết